

Bản án số: 85/2020/DS-PT

Ngày: 24-6-2020

V/v “*Hủy văn bản thỏa thuận
phân chia tài sản và chia thừa kế*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Nhung

Các thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Lệ Trang
Bà Phạm Thị Xuân Đào

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy Tiên - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:
Ông Phan Quốc Phong – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2020 tại Tòa án nhân dân, tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 113/2020/TLPT-DS ngày 30 tháng 3 năm 2020 về việc: “*Hủy văn bản thỏa thuận phân chia tài sản và chia thừa kế*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 123/2019/DS -ST ngày 25 - 11- 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số:108/2020/QĐ-PT ngày 18 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phan Thị E, sinh năm 1957.

Địa chỉ: 488/10, Tổ 17, Khu phố 2, phường A, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- Người đại diện hợp pháp của bà E: Ông Triệu Quốc Đ, sinh năm 1983; địa chỉ: 71 (số cũ 77), Hưng Đạo V, Khu phố 4, phường Tr, thành phố B, tỉnh Đồng Nai là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 16/02/2017) (có mặt).

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Phan Thị E: Luật sư Nguyễn Huy H - Văn phòng luật sư Tr, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Đồng Nai (có mặt).

2. Bị đơn: Bà Phan Thị D, sinh năm 1964 (có mặt).

Địa chỉ: 48, Khu phố 1, phường A, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Phan Thị G, sinh năm 1947 (vắng mặt).

Địa chỉ: 67, Khu phố 1, phường A, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

2. Ông Phan Văn D, sinh năm 1967.

Địa chỉ: 48, Khu phố 1, phường A, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Người giám hộ cho ông D: Bà Phan Thị D, sinh năm 1964.

Địa chỉ: 48, Khu phố 1, phường A, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (có mặt).

Người kháng cáo: Nguyên đơn bà Phan Thị E.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện của bà Phan Thị E và quá trình tố tụng ông Triệu Quốc Đ (người đại diện theo ủy quyền của bà E) trình bày như sau:*

Ông Phan Văn B, sinh năm 1917, chết năm 2000 và bà Nguyễn Thị N sinh năm 1919, chết năm 2010 là vợ chồng. Quá trình chung sống cả hai sinh được 03 người con gồm các ông bà, Phan Thị E, Phan Thị D, Phan Văn D và con riêng của ông B là bà Phan Thị G.

Trong quá trình chung sống, ông B và bà N có tạo lập được khối tài sản chung như sau: Quyền sử dụng đất có diện tích 2.407m² thuộc thửa đất số 393, 406 tờ bản đồ số 01B, được Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A 124936 cho ông Phan Văn B ngày 30/8/1993. Trên thửa đất có 01 căn nhà cấp 4 do ông B và bà N xây dựng có diện tích 188,49m² hiện đã cũ nát, kết cấu nhà: mái ngói, vách gỗ, cột gỗ, cửa gỗ, nền gạch tàu.

Hiện nay phần đất trên đã được Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 150802 vào ngày 15/02/2007 có diện tích 955m², thuộc thửa đất số 393, tờ bản đồ số 01B, xã An H, huyện L (nay là thửa số 13, tờ bản đồ số 37, thuộc phường A, thành phố B) và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 150803 vào ngày 15/02/2007, có diện tích 726m², thuộc thửa đất số 406, tờ bản đồ số 01B, xã An H, huyện L (nay là thửa số 23, tờ bản đồ số 37, thuộc phường A, thành phố B).

Theo Bản đồ hiện trạng khu đất số 6581/2018 ngày 14/12/2018 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai - Chi nhánh B thì hiện nay 02 thửa đất trên chỉ còn 1.451,4m². Theo chứng thư thẩm định giá số 1699/TĐG-CT ngày 19/6/2019 của Công ty cổ phần Thẩm định giá Đồng Nai thì 02 thửa đất trên có trị giá 11.346.500.000 đồng.

Sau khi ông B chết, các thành viên trong gia đình có họp và thống nhất cho bà D được thay mặt quản lý, sử dụng các thửa đất cho đến khi nào bà N qua đời thì các thửa đất trên sẽ được chia đều cho các anh chị em theo quyền thừa kế được pháp luật quy định.

Sau đó, bà D soạn sẵn Tờ thỏa thuận phân chia tài sản nộp tại Ủy ban nhân dân xã An H và ngày 27/11/2006, bà D yêu cầu bà E lên ký tên chứng thực văn bản thỏa thuận để bà D được quản lý, sử dụng các thửa đất trên theo đúng tinh thần, ý chí của các thành viên trong gia đình đã họp như nội dung đã nêu trên, do lúc bà D gọi điện lên xã ký tên thì bà E đang đứng lớp dạy học (bà E khi đó đang là giáo viên trường tiểu học A) nên bà E đã vội vàng đến Ủy ban nhân dân xã An H ký tên vào Tờ thỏa thuận phân chia tài sản mà không đọc lại nội dung, vì tin tưởng bà D và trong lúc vội vàng về đứng lớp nên khi đó bà E cũng không yêu cầu Ủy ban nhân dân xã An H kiểm tra lại trình tự, thủ tục khi chứng thực Tờ thỏa thuận phân chia tài sản của gia đình.

Trong vụ việc lập Tờ thỏa thuận phân chia tài sản đã có sự nhầm lẫn, gian dối. Bởi lẽ khi bà E đến Ủy ban nhân dân xã An H ký tên thì thấy chỉ có bà G và bà D, còn bà N và ông D không có mặt, bà E có hỏi thì được bà D trả lời bà N già yếu nên không đi được còn ông D bị tâm thần nên không cần phải ký cam kết. Từ văn bản nhầm lẫn, gian dối để trốn tránh nghĩa vụ với người thứ ba được soạn sẵn như trên, bà D đã tranh thủ làm thủ tục sang tên và được Ủy ban nhân dân huyện L cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Sau khi được Ủy ban nhân dân huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đối với 02 thửa đất, bà D đã không giữ lời hứa, không tách thửa chia cho chị em trong gia đình, đi ngược lại với ý chí của cha mẹ khi còn sống là tất cả những người con đều được hưởng tài sản hoặc di sản bằng nhau, không ai hơn ai. Thời điểm đó bà D cho rằng ông D bị bệnh tâm thần nên không cần ký tên vào Tờ thỏa thuận phân chia tài sản, trong khi lúc đó chưa có một văn bản hay một quyết định nào tuyên bố ông D là người mất năng lực hành vi dân sự. Mặt khác, Tờ thỏa thuận phân chia tài sản do bà D lập có dấu hiệu nhầm lẫn, gian dối nhằm trốn tránh nghĩa vụ đối với người thứ ba để cho bà G, bà E và ông D không được hưởng phần thừa kế di sản của cha mẹ để lại, ngoài ra về hình thức và nội dung của Tờ thỏa thuận phân chia tài sản cũng không đảm bảo như không có đóng dấu giáp lai của chính quyền địa phương, không có chữ ký của ông D, không có sự hiện diện đầy đủ của những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

Do vậy, nên bà E khởi kiện và yêu cầu Tòa án giải quyết hai vấn đề sau:

- Hủy Tờ thỏa thuận phân chia tài sản do bà D lập vào ngày 23/10/2006 và được Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã An H ký chứng thực vào ngày 27/11/2006.

- Chia đều di sản của ông B và bà N để lại gồm quyền sử dụng thửa đất số 13, tờ bản đồ số 37 và thửa đất số 23, tờ bản đồ số 37 tọa lạc tại phường A, thành phố B, tỉnh Đồng Nai theo diện tích như Bản đồ hiện trạng khu đất số 6581/2018 ngày 14/12/2018 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai - Chi nhánh B là 1.451,4m² cho các đồng thừa kế, phân bà E yêu cầu được chia là ¼ diện tích tổng hai thửa đất trên và bà E chỉ yêu cầu bà D thanh toán lại theo giá trị bằng tiền, riêng căn nhà cấp 4 tọa lạc trên thửa 23 hiện ông D đang ở bà E không yêu cầu chia.

Về chi phí tố tụng: Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

** Theo bản tự khai và quá trình tố tụng bị đơn bà Phan Thị D và cũng là người giám hộ cho ông Phan Văn D trình bày như sau:*

Về cha mẹ và hàng thừa kế đúng như nguyên đơn trình bày.

Bà xác nhận lúc sinh thời cha mẹ bà có tạo lập khối tài sản chung như nguyên đơn trình bày.

Vào năm 2006, gia đình có họp gia tộc thống nhất để lại toàn bộ 02 thửa đất cùng căn nhà nêu trên cho bà được toàn quyền quyết định và định đoạt với lý do bà nuôi mẹ và em trai Phan Văn D bị bệnh tâm thần (ông D bị bệnh tâm thần từ năm 1985).

Ngày 23/10/2006, bà N, bà G, bà E và bà đã đến Ủy ban nhân dân xã An H làm tờ thỏa thuận gia tộc và được Tư pháp xã đọc lại cho mọi người cùng

nghe, ký tên và lấn tay vào sổ. Tờ thỏa thuận gia tộc sau đó được niêm yết tại Ủy ban nhân dân xã An H từ ngày 23/10/2006 đến ngày 27/11/2006, trong thời gian niêm yết không có ai tranh chấp hay khiếu nại về phần tài sản thừa kế nói trên.

Khoảng một tháng sau, khi hết thời gian niêm yết thì hồ sơ chuyển đổi người đứng tên quyền sử dụng các thửa đất trên được đưa đến Ủy ban nhân dân huyện L và sau đó Ủy ban nhân dân huyện L đã cấp lại cho bà.

Năm 2015, mười năm sau ngày bà đứng tên sử dụng các thửa đất thì bà E đòi chia thừa kế nhưng bà không đồng ý nên bà E đã khởi kiện bà đến Tòa án nhân dân thành phố B và kéo dài sự việc từ đó cho đến nay.

Nay bà khẳng định vào năm 2006, mẹ bà cùng với bà G và bà E đã thống nhất giao cho bà được quyền sử dụng và định đoạt các thửa đất trên do bà là người trực tiếp nuôi mẹ già và em trai bị bệnh tâm thần, vì vậy nên nay bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà E.

** Theo bản tự khai vào ngày 07/10/2019 của bà Phan Thị G:*

Về cha mẹ và hàng thừa kế đúng như nguyên đơn trình bày.

Năm 2006, gia đình bà có họp gia tộc thống nhất cho bà Phan Thị D được toàn quyền quyết định, định đoạt phần đất và nhà ở nói trên. Bà, bà N, bà E và bà D có đến Ủy ban nhân dân phường An H để chứng thực chữ ký, việc chứng thực Tờ thỏa thuận phân chia tài sản là hoàn toàn tự nguyện của các thành viên trong gia đình.

Lý do bà D là người được bà N và chị em trong gia đình giao quyền sử dụng định đoạt 02 thửa đất trên là bà D là người trực tiếp chăm sóc cho mẹ và em Phan Văn D, bệnh tâm thần từ năm 1985 đến nay.

Trong vụ kiện bà E tranh chấp thừa kế bà không có ý kiến và không khiếu nại gì vì gia đình đã đồng ý cho bà Phan Thị D toàn quyền quyết định.

Bản án dân sự sơ thẩm số 123/2019/DS -ST ngày 25 - 11- 2019 của Tòa án nhân dân thành phố B đã căn cứ vào các Điều 197, 214, 215, 217, 219, 223, 631, 633, 645, 674, 676, 685, 688 và Điều 722 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 609, 623, 649, 650, 651, 660 và Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2013/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Án phí Lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị E đối với bà Phan Thị D về việc: Hủy Tờ thỏa thuận phân chia tài sản lập vào ngày 23/10/2006 (được Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã An H ký chứng thực vào ngày 27/11/2006) và chia di sản thừa kế gồm quyền sử dụng thửa đất số 13, tờ bản đồ số 37 và quyền sử dụng thửa đất số 23, tờ bản đồ số 37 cùng tọa lạc tại phường A, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 02/12/2019, nguyên đơn bà Phan Thị E kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm do vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày:

Tờ thỏa thuận phân chia tài sản không đúng trình tự thủ tục về nội dung và hình thức, cấp sơ thẩm không đưa Ủy ban nhân dân phường An H vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng nên đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa phúc thẩm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý đến khi xét xử. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đúng thành phần, đảm bảo vô tư khách quan, trình tự phiên tòa được Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Thư ký thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về nhiệm vụ, quyền hạn của mình. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Về đề xuất đường lối giải quyết vụ án: Bà Phạm Thị Em thừa nhận có ký tên vào Tờ thỏa thuận phân chia tài sản lập vào ngày 23/10/2006, nhưng bà cho rằng bà bị lừa dối, khi ký bà không đọc do đang phải đứng lớp; khi ký không có bà N nhưng không có chứng cứ gì để chứng minh; đối với việc ông D có tên trên Tờ thỏa thuận nhưng không có chữ ký, đứng ra Ủy ban nhân dân xã phải yêu cầu làm thủ tục tuyên bố ông D là người mất năng lực hành vi dân sự trước khi ký chứng thực. Tuy nhiên, tại thời điểm ký bà E cũng biết ông D bị bệnh tâm thần nên không làm thay đổi bản chất của văn bản thỏa thuận. Và hiện tại ông D đã được Tòa án tuyên bố là người mất năng lực hành vi dân sự và người giám hộ là bà Phan Thị D. Nếu tờ thỏa thuận trên không có giá trị là không có giá trị đối với ông D, chứ có giá trị với bà E, bà D và bà G vì các bà đã đồng ý ký vào văn bản thỏa thuận trên.

Do vậy, việc bà E khởi kiện yêu cầu hủy Tờ thỏa thuận phân chia tài sản lập vào ngày 23/10/2006 (được Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã An H ký chứng thực vào ngày 27/11/2006) và buộc bà D phải chia di sản thừa kế là quyền sử dụng thửa đất số 13, tờ bản đồ số 37, thửa đất số 23, tờ bản đồ số 37 tọa lạc tại phường A, thành phố B, tỉnh Đồng Nai là không có cơ sở.

Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, tuyên y án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bà Phan Thị E làm trong hạn luật định, đóng tạm ứng án phí đúng quy định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung kháng cáo của nguyên đơn bà Phan Thị E nhận thấy: Tài sản chung của ông B và bà N tạo lập trong quá trình chung sống gồm có: Quyền sử dụng đất có diện tích 2.407m² thuộc thửa đất số 393, 406, tờ bản đồ số 01B, xã An H, huyện L được Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A124936 cho ông Phan Văn B ngày 30/8/1993. Trên thửa đất có 01 căn nhà cấp 4 do ông B và bà N xây dựng có diện tích 188,49m² hiện đã cũ nát, kết cấu nhà: mái ngói, vách gỗ, cột gỗ, cửa gỗ, nền gạch tàu. Hiện nay phần đất trên đã được Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 150802 vào ngày 15/02/2007 có diện tích 955m², thuộc thửa đất số 393, tờ bản đồ số 01B, xã An H, huyện L, (nay là thửa số 13, tờ bản đồ số 37, thuộc phường A, thành phố B) và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 150803 vào ngày 15/02/2007, có diện tích 726m², thuộc thửa đất số 406, tờ bản đồ số 01B, xã An H, huyện L, (nay là thửa số 23, tờ bản đồ số 37, thuộc phường A, thành phố B).

Theo Bản đồ hiện trạng khu đất số 6581/2018 ngày 14/12/2018 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai - Chi nhánh B thì hiện nay 02 thửa đất trên chỉ còn 1.451,4m².

[3] Xét thấy, Tờ thỏa thuận phân chia tài sản ngày 23/10/2006 (được Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã An H ký chứng thực vào ngày 27/11/2006) do bà D, bà N, bà G và bà E đã họp thống nhất cho bà D được toàn quyền quản lý sử dụng và định đoạt 02 thửa đất trên. Việc bà N cùng với bà G và bà E đến Ủy ban nhân dân xã An H ký vào Tờ thỏa thuận phân chia tài sản cho bà D là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc, không bị nhầm lẫn hoặc gian dối như lời trình bày của bà E.

Bà E cho rằng, sau khi ông B chết, các thành viên trong gia đình gồm bà N, bà G, bà E và bà D chỉ thống nhất cho bà D được thay mặt gia đình quản lý, sử dụng các thửa đất trên đến khi nào bà N qua đời sẽ giải quyết chia đều cho các chị em, lời khai của bà E không được bà D và bà G thừa nhận, ngoài ra bà E cũng không có chứng cứ nào thể hiện có sự thỏa thuận trên. Việc bà E cho rằng vì vội về dạy học nên khi ký vào Tờ thỏa thuận phân chia tài sản được lập vào ngày 27/11/2006, bà E đã không đọc lại. Thấy rằng, bà E là một giáo viên, có hiểu biết về pháp luật thì không thể có việc bà E ký tên vào Tờ thỏa thuận phân chia tài sản mà không đọc nội dung, nên lời khai của bà D là không có căn cứ.

[4] Xét Tờ thỏa thuận phân chia tài sản được lập vào ngày 23/10/2006, (được Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã An H ký chứng thực vào ngày 27/11/2006) tuy nội dung và hình thức chưa đảm bảo đầy đủ theo quy định nhưng vẫn thể hiện rõ ý chí của bà N, bà G và bà E cùng thống nhất cho bà D được toàn quyền quản lý, sử dụng và định đoạt 02 thửa đất và bản thân bà E đã tự nguyện ký tên vào Tờ thỏa thuận phân chia tài sản. Việc ông D có tên trên Tờ thỏa thuận mà không có chữ ký nhưng tại thời điểm ký bà E cũng biết ông D bị bệnh tâm thần. Hiện tại ông D cũng đã được Tòa án tuyên bố là người mất năng lực hành vi dân

sự và người giám hộ là bà Phan Thị D. Do vậy, nếu tờ thỏa thuận trên không có giá trị là không có giá trị đối với phần của ông D nhưng vẫn có giá trị đối với phần của bà E, bà D và bà G, nên nếu có hủy tờ thỏa thuận trên cũng không làm thay đổi bản chất của văn bản thỏa thuận.

Mặt khác, việc tặng cho giữa các bên đã được hoàn thành về mặt pháp lý từ năm 2007, bà E cũng đã biết nhưng vẫn không khiếu nại gì. Bản thân bà D đã làm tròn nghĩa vụ nuôi dưỡng bà N và ông D. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà E về việc hủy Tờ thỏa thuận phân chia tài sản lập vào ngày 23/10/2006, (được Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã An H ký chứng thực vào ngày 27/11/2006) và chia di sản thừa kế là quyền sử dụng thửa đất số 13, tờ bản đồ số 37, thửa đất số 23, tờ bản đồ số 37 tọa lạc tại phường A, thành phố B, tỉnh Đồng Nai là có cơ sở.

Như vậy, kháng cáo của bà Phan Thị E yêu cầu cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm là không được chấp nhận.

[5] Về chi phí tố tụng: Do yêu cầu khởi kiện của bà E không được chấp nhận nên số tiền chi phí cho việc đo vẽ và thẩm định giá tài sản bà E phải chịu toàn bộ, số tiền chi phí tố tụng bà E đã nộp đủ.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm: Bà Phan Thị E là người cao tuổi, có đơn xin miễn tiền án phí, nên căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội miễn cho bà E toàn bộ số tiền án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm; Hoàn trả lại cho bà Phan Thị E số tiền 1.157.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 009337 ngày 17/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận. Quan điểm của người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của nguyên đơn không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Phan Thị E.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 123/2019/DS-ST ngày 25 - 11-2019 của Tòa án nhân dân thành phố B.

Căn cứ Điều 197, 214, 215, 217, 219, 223, 631, 633, 634, 645, 674, 675, 676, 685, 688 và Điều 722 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 609, 623, 649, 650, 651, 660 và Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2013/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Án phí Lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị E đối với bà Phan Thị D về việc: Hủy Tờ thỏa thuận phân chia tài sản lập vào ngày 23/10/2006, được Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã An H ký chứng thực vào ngày

27/11/2006 và chia di sản thừa kế là quyền sử dụng thửa đất số 13, tờ bản đồ số 37, quyền sử dụng thửa đất số 23, tờ bản đồ số 37 cùng tọa lạc tại phường A, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

2. Án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm: Bà Phan Thị E là người cao tuổi thuộc trường hợp được miễn án phí. Hoàn trả lại cho bà Phan Thị E số tiền 1.157.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 009337 ngày 17/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- TAND TP. Biên Hòa;
- Chi cục THADS TP. Biên Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Nhung

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Các Thẩm phán

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Thị Nhung

